

**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
và các công ty con**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
Thông tin về Công ty

Quyết định số 3448/QĐ-UB ngày 9 tháng 7 năm 2004
3449/QĐ-UB ngày 9 tháng 7 năm 2004

Các quyết định này do Ủy Ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Giấy phép Kinh doanh 4103002955 ngày 15 tháng 12 năm 2004

Giấy phép kinh doanh của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần nhất là bởi giấy phép kinh doanh số 0301154821 ngày 26 tháng 1 năm 2015. Giấy phép kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Bình Minh	Chủ tịch
Ông Mai Việt Hà	Thành viên
Bà Nguyễn Việt Hòa	Thành viên
Ông Đoàn Văn Quang	Thành viên
Ông Nguyễn Công Bình	Thành viên
Ông Nguyễn Đức Trọng	Thành viên
Ông Lương Quang Hiến	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Mai Việt Hà	Tổng Giám đốc
Ông Đoàn Văn Quang	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thu Nga	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Công Bình	Phó Tổng Giám đốc

Ban Kiểm soát

Bà Nguyễn Như Ánh	Trưởng Ban
Ông Nguyễn Thái Hòa	Thành viên
Bà Phan Phương Nga	Thành viên
	(từ ngày 31 tháng 3 năm 2017)
Ông Trần Huy Dũng	Thành viên
	(đến ngày 31 tháng 3 năm 2017)

Trụ sở đăng ký 68 Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa
Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Đơn vị kiểm toán Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn **Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm của Công ty và các công ty con (được gọi chung là “Tập đoàn”) cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được trình bày từ trang 5 đến trang 63 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Tập đoàn sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.



Mai Việt Hà
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 8 năm 2017

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm của Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn (“Công ty”) và các công ty con (được gọi chung là “Tập đoàn”), bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 10 tháng 8 năm 2017, được trình bày từ trang 5 đến trang 63.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về Hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – *Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện*.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh

Việt Nam

Báo cáo soát xét số: 17-01-330



Nguyễn Thanh Nghị

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0304-2013-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 8 năm 2017

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2017

Mẫu B 01a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2017 VND	1/1/2017 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		1.750.542.016.872	1.736.418.709.247
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	6	168.355.414.832	231.191.439.679
Tiền	111		123.385.319.832	154.176.575.255
Các khoản tương đương tiền	112		44.970.095.000	77.014.864.424
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		48.566.281.855	48.444.445.855
Chứng khoán kinh doanh	121	7(a)	50.844.913.855	51.869.913.855
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	7(a)	(14.338.632.000)	(15.175.468.000)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	7(b)	12.060.000.000	11.750.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		553.240.891.021	545.397.552.956
Phải thu khách hàng	131	8	425.846.356.932	398.763.820.419
Trả trước cho người bán	132		56.804.055.945	73.008.332.043
Phải thu về cho vay	135		-	3.000.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	9(a)	71.384.041.781	71.418.964.131
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(793.563.637)	(793.563.637)
Hàng tồn kho	140	10	923.356.013.063	845.503.520.873
Hàng tồn kho	141		947.821.020.651	870.589.928.463
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(24.465.007.588)	(25.086.407.590)
Tài sản ngắn hạn khác	150		57.023.416.101	65.881.749.884
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	15(a)	17.030.020.725	18.470.655.349
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		38.775.974.239	46.497.201.276
Thuế phải thu Nhà nước	153	17(b)	1.217.421.137	913.893.259

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2017 VND	1/1/2017 VND
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 230 + 240 + 250 + 260)	200		1.966.407.600.728	1.601.399.267.878
Các khoản phải thu dài hạn	210		163.655.805.015	137.654.838.220
Phải thu dài hạn khác	216	9(b)	167.805.805.015	141.804.838.220
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	9(b)	(4.150.000.000)	(4.150.000.000)
Tài sản cố định	220		344.794.982.810	248.463.382.989
Tài sản cố định hữu hình	221	11	316.467.856.373	220.610.926.831
<i>Nguyên giá</i>	222		468.440.263.246	350.850.311.584
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(151.972.406.873)	(130.239.384.753)
Tài sản cố định vô hình	227	12	28.327.126.437	27.852.456.158
<i>Nguyên giá</i>	228		36.117.768.116	34.342.442.441
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(7.790.641.679)	(6.489.986.283)
Bất động sản đầu tư	230	13	719.164.785.230	656.960.899.324
<i>Nguyên giá</i>	231		879.362.068.763	805.606.585.211
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		(160.197.283.533)	(148.645.685.887)
Tài sản dở dang dài hạn	240		421.278.561.066	334.830.529.720
Xây dựng cơ bản dở dang	242	14	421.278.561.066	334.830.529.720
Đầu tư tài chính dài hạn	250		295.326.125.778	204.259.591.217
Đầu tư vào các công ty liên kết	252	7(c)	289.590.861.778	191.844.327.217
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	7(c)	5.735.264.000	12.415.264.000
Tài sản dài hạn khác	260		22.187.340.829	19.230.026.408
Chi phí trả trước dài hạn	261	15(b)	19.024.900.544	16.054.171.416
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	37(a)	3.162.440.285	3.175.854.992
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		3.716.949.617.600	3.337.817.977.125

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2017 VND	1/1/2017 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		2.526.972.183.040	2.165.332.684.786
Nợ ngắn hạn	310		1.951.920.777.714	1.604.378.313.823
Phải trả người bán	311	16	117.601.421.549	183.206.146.897
Người mua trả tiền trước	312		127.535.386.204	124.334.860.408
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	17(a)	14.811.795.423	40.930.607.637
Phải trả người lao động	314		40.456.775.593	65.124.231.200
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	18	46.074.210.386	44.026.701.271
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	19(a)	3.848.299.567	6.807.126.251
Phải trả ngắn hạn khác	319	20(a)	513.518.791.030	159.644.926.422
Vay ngắn hạn	320	21(a)	1.071.400.197.758	957.951.034.891
Dự phòng ngắn hạn	321		182.518.182	184.554.545
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	22	16.491.382.022	22.168.124.301
Nợ dài hạn	330		575.051.405.326	560.954.370.963
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	19(b)	90.728.936.363	90.316.000.000
Phải trả dài hạn khác	337	20(b)	106.002.949.114	111.020.646.268
Vay dài hạn	338	21(b)	378.319.519.849	359.617.724.695
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		1.189.977.434.560	1.172.485.292.339
Vốn chủ sở hữu	410	23	1.189.977.434.560	1.172.485.292.339
Vốn cổ phần	411	24	249.955.730.000	249.955.730.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		317.064.858.303	317.064.858.303
Vốn khác	414		4.650.000.000	2.550.000.000
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	415	24	(690.474.358)	(690.474.358)
Quỹ đầu tư và phát triển	418	26	46.839.646.192	46.657.038.976
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		268.478.880.365	261.454.985.027
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		303.678.794.058	295.493.154.391
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		3.716.949.617.600	3.337.817.977.125

Ngày 10 tháng 8 năm 2017

Người lập:



Ngô Văn Danh
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Mai Việt Hà
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017

Mẫu B 02a – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014//TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc	
			30/6/2017 VND	30/6/2016 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	28	6.726.281.486.534	6.039.528.961.118
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	28	(3.924.938.286)	(5.601.214.308)
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 + 02)	10	28	6.722.356.548.248	6.033.927.746.810
Giá vốn hàng bán	11	29	(6.377.569.790.564)	(5.730.222.494.609)
Lợi nhuận gộp (20 = 10 + 11)	20		344.786.757.684	303.705.252.201
Doanh thu hoạt động tài chính	21	30	9.465.187.929	6.381.827.894
Chi phí tài chính	22	31	(52.299.672.876)	(30.099.221.473)
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>(43.896.601.094)</i>	<i>(29.353.815.587)</i>
Phần lãi trong công ty liên kết	24	7(c)	9.875.499.708	4.418.948.169
Chi phí bán hàng	25	32	(196.757.975.311)	(137.301.199.429)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	33	(110.220.789.566)	(89.055.399.297)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 + 22 + 24 + 25 + 26)	30		4.849.007.568	58.050.208.065
Thu nhập khác	31	34	86.714.981.704	28.914.399.229
Chi phí khác	32	35	(2.491.749.239)	(1.947.761.956)
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 + 32)	40		84.223.232.465	26.966.637.273
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		89.072.240.033	85.016.845.338
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	37(b)	(15.570.467.180)	(16.153.666.488)
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	37(b)	(13.414.707)	-
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 + 51 + 52)	60		73.488.358.146	68.863.178.850

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

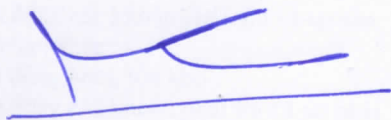
Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 02a – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc	
			30/6/2017 VND	30/6/2016 VND
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 + 51 + 52)	60		73.488.358.146	68.863.178.850
Phân bổ cho:				
Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		40.141.207.736	42.607.582.409
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		33.347.150.410	26.255.596.441
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	38	1.573	1.563

Ngày 10 tháng 8 năm 2017

Người lập:



Ngô Văn Danh
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Mar Việt Hà
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014//TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc	
			30/6/2017 VND	30/6/2016 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận kế toán trước thuế	01		89.072.240.033	85.016.845.338
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		37.126.000.300	27.508.231.619
Các khoản dự phòng	03		(1.458.236.002)	(1.689.146.234)
(Lãi)/lỗ từ thanh lý tài sản cố định hữu hình	05		(995.250.975)	604.105.687
Lỗ từ thanh lý một phần đầu tư vào một công ty con	05		8.385.122.777	-
Lỗ từ xóa sổ tài sản cố định	05		-	211.409.602
Lỗ từ xóa sổ đầu tư vào một công ty liên kết	05		-	70.072.710
Lỗ từ xóa sổ xây dựng cơ bản dở dang	05		-	813.904.721
Thu nhập cốt tủy và lãi tiền gửi	05		(5.108.051.959)	(3.015.023.042)
Thu nhập từ các công ty liên kết	05		(9.875.499.708)	(4.418.948.169)
Chi phí lãi vay	06		43.896.601.094	29.353.815.587
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		161.042.925.560	134.455.267.819
Biến động các khoản phải thu và tài sản ngắn hạn khác	09		860.112.441	(136.862.148.432)
Biến động hàng tồn kho	10		(77.231.092.188)	(53.042.821.597)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		153.205.355.691	(46.850.231.519)
Biến động chi phí trả trước	12		1.699.467.807	(5.256.909.939)
Biến động chứng khoán kinh doanh	13		1.025.000.000	583.145.600
			240.601.769.311	(106.973.698.068)
Tiền lãi vay đã trả	14		(43.901.253.030)	(29.666.969.943)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(24.405.324.186)	(22.184.447.988)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(7.546.612.052)	(8.130.860.857)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		164.748.580.043	(166.955.976.856)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014//TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc	
			30/6/2017 VND	30/6/2016 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua tài sản cố định	21		(368.794.026.728)	(85.038.836.856)
Tiền thu từ thanh lý một phần đầu tư vào một công ty con, tiền thanh lý thuần	22		53.382.313.983	-
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định hữu hình	22		12.918.443.870	1.059.090.909
Tiền thu từ thanh lý đầu tư dài hạn khác	22		-	29.245.050.000
Tiền đầu tư vào các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	23		(310.000.000)	(6.850.000.000)
Tiền chi đầu tư vào các đơn vị khác	25		(32.197.350.000)	(26.300.000.000)
Tiền thu lãi tiền gửi và cô tức	27		12.198.133.759	5.434.538.042
Tiền thuần chi cho tài sản dài hạn khác			(26.000.966.795)	(28.492.693.498)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(348.803.451.911)	(110.942.851.403)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ đi vay	33		4.400.766.999.647	4.079.134.825.956
Tiền trả nợ gốc vay	34		(4.268.616.041.626)	(3.797.476.449.850)
Tiền thu từ vốn phát hành bởi các công ty con cho lợi ích cổ đông không kiểm soát			71.540.000	6.380.200.000
Tiền trả cổ tức cho cổ đông của Công ty	36		-	(35.388.381.090)
Tiền trả cổ tức cho cổ đông không kiểm soát	36		(11.003.651.000)	(12.017.424.857)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		121.218.847.021	240.632.770.159

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc	
		30/6/2017 VND	30/6/2016 VND
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50	(62.836.024.847)	(37.266.058.100)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60	231.191.439.679	211.789.394.100
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60)	70	6	174.523.336.000

Ngày 10 tháng 8 năm 2017

Người lập:



Ngô Văn Danh
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Mai Việt Hà
Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014//TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Quyết định số 3448/QĐ-UB do Ủy Ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 9 tháng 7 năm 2004 và được điều chỉnh theo Quyết định số 3449/QĐ-UB cấp cùng ngày.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 bao gồm Công ty và các công ty con (được gọi chung là “Tập đoàn”) và lợi ích của Tập đoàn trong các công ty liên kết.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Tập đoàn là:

- Dịch vụ và thương mại: kinh doanh, phân phối, sửa chữa và bảo trì xe ô tô, xe gắn máy và phụ tùng; kinh doanh trang sức, vật liệu xây dựng; cung cấp dịch vụ bar và khách sạn;
- Bất động sản: kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất; cho thuê nhà kho, văn phòng, trung tâm thương mại; đầu tư, phát triển các dự án bất động sản theo định hướng kinh doanh cao ốc văn phòng, căn hộ, các khu biệt thự và khu nghỉ dưỡng cao cấp; và
- Dịch vụ tài chính: đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và vào cổ phiếu của các đơn vị khác hoạt động trong lĩnh vực thương mại và dịch vụ, bất động sản và cơ sở hạ tầng.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Thành Phố Hồ Chí Minh.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tập đoàn nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Tập đoàn

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, Tập đoàn có 2.465 nhân viên (ngày 1 tháng 1 năm 2017: 2.309 nhân viên).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, Tập đoàn có 13 công ty con và 10 công ty liên kết (ngày 1 tháng 1 năm 2017: 14 công ty con và 8 công ty liên kết), chi tiết như sau:

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014//TT-BTC**ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***Các công ty con**

Số	Tên	Hoạt động chính	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích kinh tế tại ngày	
				30/6/2017	1/1/2017
1	Công ty Cổ phần Dịch vụ Sài Gòn Ô tô (SAIGON FORD)	Kinh doanh xe mang nhãn hiệu FORD và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì.	61A Cao Thắng, Phường 3, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	52,05%	52,05%
2	Công ty Liên doanh Toyota Giải Phóng (TGP)	Kinh doanh xe mang nhãn hiệu TOYOTA và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì.	807 Giải Phóng, Phường Giáp Bát, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	51%	51%
3	Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Sài Gòn (YAMAHA Cần Thơ)	Kinh doanh xe gắn máy mang nhãn hiệu YAMAHA và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì.	164 – 166C, Đường 3/2, Phường Hưng Lợi, Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam	88,12%	88,12%
4	Công ty Cổ phần Sài Gòn Ngôi Sao	Kinh doanh xe ô tô và xe gắn máy mang nhãn hiệu SUZUKI, HONDA và YAMAHA và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì.	510 Quốc lộ 13, Phường Hiệp Bình Phước, Quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	59,62%	59,62%
5	Công ty Cổ phần Savico Hà Nội	Điều hành trung tâm thương mại, dịch vụ khách sạn; xây dựng dân sự, dự án công nghiệp; đại lý thương mại và ủy thác; hoạt động xuất nhập khẩu; kinh doanh phương tiện vận tải và bảo trì xe ô tô; cho thuê máy; dịch vụ vận chuyển và đậu xe.	7-9 Nguyễn Văn Linh, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	70%	70%
6	Công ty TNHH Toyota Cần Thơ	Kinh doanh xe mang nhãn hiệu TOYOTA và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì.	K2-0, Võ Nguyên Giáp, Khu vực Thanh Thuận, Phường Phú Thứ, Quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam	51%	51%

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Số	Tên	Hoạt động chính	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích kinh tế tại ngày	
				30/6/2017	1/1/2017
7	Công ty Cổ phần Savico Đà Nẵng	Kinh doanh bất động sản; cho thuê văn phòng và nhà xưởng; tư vấn, môi giới bất động sản; kinh doanh xe ô tô, xe có động cơ khác và phụ tùng thay thế; cung cấp dịch vụ bảo trì và sửa chữa; cung cấp dịch vụ vận chuyển.	66 Võ Văn Tần, Phường Chính Gián, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam	70%	70%
8	Công ty Cổ phần OtoS (otos.vn) (*)	Cung cấp dịch vụ thương mại điện tử; dịch vụ quảng cáo; kinh doanh xe ô tô và phụ tùng thay thế; cung cấp dịch vụ bảo trì và sửa chữa; cung cấp phần mềm và các dịch vụ liên quan đến công nghệ thông tin.	68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	80,33%	77,07%
9	Công ty Cổ phần Đầu tư Đà Nẵng Sơn Trà	Kinh doanh bất động sản; cung cấp dịch vụ khách sạn và du lịch; điều hành dịch vụ nhà hàng, cung cấp thực phẩm và thức uống; cung cấp dịch vụ vận tải và xây dựng dân sự.	Bãi Trẹm, Hoàng Sa, Phường Thọ Quang, Quận Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam	98%	98%
10	Công ty Cổ phần Ô tô Sài Gòn Cửu Long	Kinh doanh ô tô mang nhãn hiệu GM và phụ tùng thay thế; cung cấp dịch vụ bảo trì và vận tải.	274, Đường 30/4, Phường Hưng Lợi, Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam	84,17%	84,17%
11	Công ty Cổ phần Ô tô Tây Bắc Sài Gòn	Kinh doanh xe ô tô tải mang nhãn hiệu FUSO và phụ tùng thay thế; cung cấp dịch vụ bảo trì, sửa chữa và vận tải.	43/7A Ấp Xuân Thới Đông 2, Xã Xuân Thới Đông, Huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	80%	80%
12	Công ty Cổ phần Ô tô Vĩnh Thịnh	Kinh doanh xe ô tô tải nhãn hiệu mang HINO và phụ tùng thay thế; cung cấp dịch vụ bảo trì, sửa chữa và vận tải.	5/5 Khu phố Bình Giao, phường Thuận Giao, Thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam	90%	90%

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014//TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Số	Tên	Hoạt động chính	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích kinh tế tại ngày	
				30/6/2017	1/1/2017
13	Công ty Cổ phần Ô tô Nam Sông Hậu	Kinh doanh xe ô tô mang nhãn hiệu HONDA và phụ tùng thay thế; cung cấp dịch vụ bảo trì, sửa chữa và vận tải.	Lô E1-1, Đường Võ Nguyên Giáp, Khu vực Thạnh Lợi, Phường Phú Thới, Quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam	93%	93%
14	Công ty Cổ phần Đầu tư Savico (**)	Kinh doanh bất động sản; dịch vụ tư vấn đầu tư, môi giới, đấu giá; cung cấp dịch vụ nghiên cứu thị trường, khảo sát ý kiến công chúng; tư vấn kiến trúc và các công nghệ liên quan; cung cấp dịch vụ thiết kế chuyên biệt và xây dựng; mua bán ô tô và phụ tùng; cung cấp dịch vụ bảo trì và sửa chữa; cung cấp dịch vụ giáo dục mầm non.	66-68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	-	99,50%

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014//TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***Các công ty liên kết**

Số	Tên	Hoạt động chính	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích kinh tế tại ngày	
				30/6/2017	1/1/2017
1	Công ty Liên doanh ComfortDelgro Savico Taxi	Cung cấp dịch vụ vận chuyển và dịch vụ bảo trì.	384A Kha Vạn Cân, Phường Hiệp Bình Chánh, Quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	40,03%	40,03%
2	Công ty Cổ phần Toyota Đông Sài Gòn (TESC)	Kinh doanh xe mang nhãn hiệu TOYOTA và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì.	507 Xa lộ Hà Nội, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	35,16%	35,16%
3	Công ty Cổ phần Dịch vụ Ô tô Thành phố Mới Bình Dương	Kinh doanh xe mang nhãn hiệu FORD và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì.	C13, đường Hùng Vương, Khu Liên Hợp, Phường Hòa Phú, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam	35,41%	35,41%
4	Công ty Cổ phần Dana (DANA FORD)	Kinh doanh xe mang nhãn hiệu FORD và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì.	56 Điện Biên Phủ, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam	28,19%	28,19%
5	Công ty Cổ phần Ô tô Sao Tây Nam (*)	Kinh doanh xe ô tô mang nhãn hiệu HYUNDAI và phụ tùng thay thế; cung cấp dịch vụ bảo trì, sửa chữa và vận tải.	91 Cách Mạng Tháng Tám, Phường An Thới, Quận Bình Thủy, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam	43,80%	43,80%
6	Công ty TNHH Toyota Lý Thường Kiệt	Kinh doanh xe mang nhãn hiệu TOYOTA và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì.	188 Lê Trọng Tấn, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	20%	20%
7	Công ty Cổ phần Ô tô Bắc Âu	Kinh doanh xe mang nhãn hiệu VOLVO và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì.	340A Nguyễn Văn Linh, Phường Bình Thuận, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	39,81%	39,81%

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Số	Tên	Hoạt động chính	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích kinh tế tại ngày	
				30/6/2017	1/1/2017
8	Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Dịch vụ Ô tô Nam Sài Gòn (*)	Kinh doanh xe mang nhãn hiệu GM và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì.	1489 Nguyễn Văn Linh, Phường Tân Phong, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	30%	30%
9	Công ty Cổ phần Đầu tư Savico (**)	Kinh doanh bất động sản; dịch vụ tư vấn đầu tư, môi giới, đấu giá; cung cấp dịch vụ nghiên cứu thị trường, khảo sát ý kiến công chúng; tư vấn kiến trúc và các công nghệ liên quan; cung cấp dịch vụ thiết kế chuyên biệt và xây dựng; mua bán ô tô và phụ tùng; cung cấp dịch vụ bảo trì và sửa chữa; cung cấp dịch vụ giáo dục mầm non.	66-68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	39,50%	-
10	Công ty TNHH Ô tô Bắc Âu Hà Nội (***)	Kinh doanh xe mang nhãn hiệu VOLVO và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì.	9 Nguyễn Văn Linh, Phường Gia Thụy, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	25%	-

(*) Trong kỳ, Tập đoàn đã mua thêm 3,26% cổ phần của một công ty con - Công ty Cổ phần OtoS với số tiền là 2.064 triệu VND và tăng phần trăm lợi ích kinh tế từ 77,07% lên 80,33%.

(**) Trong kỳ, Tập đoàn đã chuyển nhượng 60% cổ phần của Công ty Cổ phần Đầu tư Savico cho Công ty Cổ phần Đầu tư Nguyễn Nguyễn Group, một bên thứ ba và không còn nắm giữ quyền kiểm soát, nhưng vẫn có ảnh hưởng đáng kể đối với khoản đầu tư này. Khoản đầu tư đã được phân loại lại sang đầu tư vào công ty liên kết kể từ thời điểm chuyển nhượng.

(***) Vào ngày 5 tháng 6 năm 2017, Tập đoàn đã mua 25% cổ phần của Công ty TNHH Ô tô Bắc Âu Hà Nội với số tiền là 5.000 triệu VND. Tại ngày báo cáo tài chính, Tập đoàn đã thanh toán đủ cổ phần đã mua.

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Tập đoàn là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Tập đoàn là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ kế toán được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn áp dụng trong việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014//TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(a) Cơ sở hợp nhất

(i) Các công ty con

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Tập đoàn. Báo cáo tài chính của công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

(ii) Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

Việc thoái vốn của Tập đoàn trong công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần của công ty con và số thu hoặc chi từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

(iii) Mất quyền kiểm soát

Khi mất quyền kiểm soát tại một công ty con, Tập đoàn dừng ghi nhận tài sản và nợ phải trả của công ty con cũng như lợi ích cổ đông không kiểm soát và các cấu phần vốn chủ sở hữu khác. Lãi hoặc lỗ phát sinh từ sự kiện này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau khi thoái vốn, phần lợi ích còn lại trong công ty con trước đó (nếu có) được ghi nhận theo giá trị ghi sổ còn lại của khoản đầu tư trên báo cáo tài chính của công ty mẹ, sau khi được điều chỉnh theo tỷ lệ tương ứng cho những thay đổi trong vốn chủ sở hữu kể từ ngày mua nếu Tập đoàn vẫn còn ảnh hưởng đáng kể trong đơn vị nhận đầu tư, hoặc trình bày theo giá gốc của khoản đầu tư còn lại nếu không còn ảnh hưởng đáng kể.

(iv) Các công ty liên kết

Công ty liên kết là những công ty mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu (gọi chung là các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu). Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Tập đoàn được hưởng trong thu nhập và chi phí của các công ty liên kết, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Tập đoàn, từ ngày bắt đầu cho tới ngày không còn ảnh hưởng đáng kể đối với các đơn vị này. Khi phần lỗ của công ty liên kết mà Tập đoàn phải chia sẻ vượt quá lợi ích của Tập đoàn trong công ty liên kết, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ khi các khoản lỗ đó nằm trong phạm vi mà Tập đoàn có nghĩa vụ phải trả thay cho các công ty liên kết.

(v) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các số dư trong nội bộ tập đoàn và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Tập đoàn tại đơn vị nhận đầu tư.

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(b) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi lần lượt sang VND theo tỷ giá mua bán chuyên khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

(c) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành khoản tiền xác định trước, ít rủi ro về thay đổi giá trị và được giữ nhằm mục đích đáp ứng nhu cầu thanh toán ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay các mục đích khác.

(d) Các khoản đầu tư

(i) Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các loại chứng khoán được Tập đoàn nắm giữ vì mục đích kinh doanh, tức là mua vào bán ra để thu lợi nhuận trong thời gian ngắn. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua cộng các chi phí mua. Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập khi giá thị trường của chứng khoán giảm xuống thấp hơn giá trị ghi sổ của chúng. Sau khi khoản dự phòng được lập, nếu giá thị trường của chứng khoán tăng lên thì khoản dự phòng sẽ được hoàn nhập. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của chứng khoán kinh doanh không vượt quá giá trị ghi sổ của các chứng khoán này khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(ii) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc của Tập đoàn dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi mà bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá các khoản đầu tư.

(iii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Tập đoàn khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các chứng khoán khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(e) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(f) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho bao gồm dự án khu dân cư, ô tô, xe máy và phụ tùng thay thế.

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá trị bằng với số thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp đích danh đối với bất động sản, xe ô tô, xe máy và bình quân gia quyền đối với phụ tùng thay thế và bao gồm tất cả các chi phí liên quan phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của sản phẩm tồn kho, trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí bán hàng ước tính.

Giá gốc của chi phí sản xuất kinh doanh dở dang bao gồm quyền sử dụng đất và chi phí phát triển đất.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(g) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu thường được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ tại thời điểm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hoá như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa	6 – 42 năm
▪ máy móc và thiết bị	4 – 8 năm
▪ thiết bị văn phòng	2 – 10 năm
▪ phương tiện vận chuyển	5 – 6 năm
▪ khác	3 – 5 năm

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(h) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất gồm có:

- quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất;
- quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp; và
- quyền sử dụng đất thuê trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 mà tiền thuê đất đã được trả trước cho thời hạn dài hơn 5 năm và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất không có thời hạn xác định được thể hiện theo nguyên giá. Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp tới việc bảo đảm quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 20 đến 50 năm.

(ii) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 đến 4 năm.

(i) Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư cho thuê

Nguyên giá

Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư cho thuê bao gồm giá mua, chi phí quyền sử dụng đất và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản có thể hoạt động theo cách thức đã dự kiến bởi Ban Tổng Giám đốc. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư cho thuê đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ bất động sản đầu tư cho thuê vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hoá như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư cho thuê.

Khấu hao

Quyền sử dụng đất không có thời hạn xác định không được khấu hao. Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- quyền sử dụng đất 18 – 50 năm
- nhà cửa 5 – 36 năm

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(j) Xây dựng cơ bản dở dang

Các dự án đang được xây dựng và phát triển cho mục đích sử dụng hỗn hợp trong tương lai như tài sản cố định, bất động sản đầu tư và tài sản để bán (hàng tồn kho) được phân loại là xây dựng cơ bản dở dang và được thể hiện theo nguyên giá, cho đến khi việc xây dựng hoặc phát triển được hoàn thành hoặc nguyên giá được xác định một cách đáng tin cậy cho các tài sản này, tại thời điểm đó chúng được phân loại và sau đó được ghi nhận là tài sản cố định, bất động sản đầu tư hoặc hàng tồn kho, như được trình bày trong các chính sách kế toán ở các thuyết minh tương ứng

Tất cả các chi phí trực tiếp liên quan đến việc mua và phát triển một dự án, chi phí phát sinh từ quyền sử dụng đất đi thuê, và tất cả chi phí vốn sau đó cho việc phát triển đủ điều kiện là chi phí mua được vốn hóa.

Chi phí vay được vốn hóa nếu liên quan trực tiếp đến việc mua, xây dựng hay sản xuất một tài sản đủ điều kiện vốn hóa. Việc vốn hóa chi phí vay bắt đầu khi các hoạt động cần thiết trong việc chuẩn bị tài sản đang được tiến hành và các chi phí cho việc đầu tư xây dựng và chi phí vay bắt đầu phát sinh. Việc vốn hóa chi phí vay sẽ chấm dứt khi tài sản hầu như đã trong trạng thái sẵn sàng sử dụng. Tỷ lệ vốn hóa được tính bằng cách tham chiếu đến lãi suất thực tế phải trả trên các khoản vay cho mục đích phát triển, hoặc phần của chi phí phát triển được tài trợ bởi khoản vay chung, được phân bổ dựa trên lãi suất trung bình.

(k) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Chi phí đất trả trước

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Tập đoàn đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất là 8 năm.

(ii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tập đoàn nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(iii) Chi phí trả trước khác

Chi phí trả trước khác chủ yếu bao gồm chi phí sửa chữa và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 2 đến 3 năm.

(l) Các khoản phải trả thương mại và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả thương mại và các khoản phải trả khác thể hiện theo giá gốc.

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(m) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tập đoàn có một nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể được ước tính một cách tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu các dòng tiền dự tính phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh được sự đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể gắn liền với khoản nợ phải trả đó.

(n) Vốn cổ phần

(i) Cổ phiếu phổ thông

Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(ii) Mua lại và phát hành lại cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu quỹ)

Khi mua lại cổ phiếu đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi thuế, được ghi giảm vào vốn chủ sở hữu. Cổ phiếu đã mua lại được phân loại là cổ phiếu quỹ trong phần vốn chủ sở hữu. Khi cổ phiếu quỹ được bán ra sau đó để phát hành lại, giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Chênh lệch giữa giá trị khoản nhận được và giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được trình bày trong thặng dư vốn cổ phần.

(o) Quỹ thuộc vốn chủ sở hữu

Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu được trích lập mỗi năm từ lợi nhuận chưa phân phối theo tỷ lệ do các cổ đông quyết định trong đại hội cổ đông thường niên.

Theo Thông tư 200, quỹ dự phòng tài chính không còn được sử dụng. Số dư còn lại của quỹ này được chuyển vào quỹ đầu tư và phát triển. Việc sử dụng các quỹ nêu trên phải được sự phê duyệt của các cổ đông.

(p) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ hợp nhất của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán, dựa trên các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các khoản chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(q) Doanh thu

(i) Doanh thu kinh doanh bất động sản

Doanh thu chuyển nhượng nền đất và bán nhà theo mẫu thiết kế sẵn không theo yêu cầu riêng của từng khách hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu. Việc chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích được xác định tại thời điểm muộn hơn giữa thời điểm bán hoặc thời điểm hoàn thành bất động sản.

(ii) Doanh thu bán hàng hóa

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

(iii) Cung cấp dịch vụ

Dịch vụ được cung cấp chủ yếu bao gồm sửa chữa và bảo trì xe ô tô và xe máy.

Doanh thu từ các dịch vụ cung cấp được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ theo tỷ lệ hoàn thành của giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tỷ lệ hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có các yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iv) Doanh thu cho thuê

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê hoặc khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có các yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc khả năng trả lại tài sản. Các khoản ưu đãi cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

(r) Doanh thu tài chính

(i) Doanh thu từ tiền lãi

Doanh thu từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014//TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(ii) Doanh thu từ kinh doanh chứng khoán

Doanh thu từ kinh doanh chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ khi phần lớn những rủi ro và lợi ích liên quan đến quyền sở hữu được chuyển sang cho người mua. Phần lớn rủi ro và lợi ích liên quan đến quyền sở hữu được chuyển khi hoàn thành giao dịch (đối với chứng khoán đã niêm yết) hoặc khi hoàn thành thỏa thuận chuyển giao của tài sản (đối với chứng khoán chưa niêm yết).

(iii) Doanh thu từ cổ tức

Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

(s) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản ưu đãi đi thuê đã nhận được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(t) Chi phí vay

Chi phí vay được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí vay thì khi đó chi phí vay phát sinh trong giai đoạn xây dựng sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(u) Lãi trên cổ phiếu

Tập đoàn trình bày lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty (sau khi đã trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi cho kỳ kế toán năm báo cáo) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân đang lưu hành có tính đến các ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tiềm năng, bao gồm trái phiếu có thể chuyển đổi và quyền mua cổ phiếu.

(v) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Bộ phận chính yếu của Tập đoàn là bộ phận kinh doanh. Tập đoàn hoạt động tại Việt Nam, là một khu vực địa lý duy nhất.

(w) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Tập đoàn nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tập đoàn và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

4. Báo cáo bộ phận

Cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày:

	Dịch vụ thương mại		Dịch vụ bất động sản		Dịch vụ tài chính		Tổng cộng	
	30/6/2017	30/6/2016	30/6/2017	30/6/2016	30/6/2017	30/6/2016	30/6/2017	30/6/2016
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu bộ phận	6.637.532.954.149	5.929.634.409.735	84.823.594.099	104.293.337.075	-	-	6.722.356.548.248	6.033.927.746.810
Thu nhập khác của bộ phận	99.724.776.120	26.463.059.113	3.513.987.331	89.016.444	2.718.380.000	3.446.939.020	105.957.143.451	29.999.014.577
Giá vốn trực tiếp của bộ phận	(6.338.019.143.306)	(5.684.143.799.863)	(39.550.647.258)	(46.078.694.746)	-	-	(6.377.569.790.564)	(5.730.222.494.609)
Chi phí khác trực tiếp của bộ phận	(326.763.835.150)	(230.324.245.603)	(32.036.874.107)	(24.964.592.316)	(477.728.496)	(1.166.982.280)	(359.278.437.753)	(256.455.820.199)
Lợi nhuận của bộ phận kinh doanh trong kỳ	72.474.751.813	41.629.423.382	16.750.060.065	33.339.066.457	2.240.651.504	2.279.956.740	91.465.463.382	77.248.446.579
Doanh thu không phân bổ							98.525.890	9.716.160.715
Chi phí không phân bổ							(2.491.749.239)	(1.947.761.956)
Thuế thu nhập doanh nghiệp							(15.583.881.887)	(16.153.666.488)
							73.488.358.146	68.863.178.850

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Dịch vụ thương mại		Dịch vụ bất động sản		Dịch vụ tài chính		Tổng cộng	
	30/6/2017 VND	1/1/2017 VND	30/6/2017 VND	1/1/2017 VND	30/6/2017 VND	1/1/2017 VND	30/6/2017 VND	1/1/2017 VND
Tài sản								
Tài sản ngắn hạn	1.543.611.158.798	1.506.838.189.096	170.169.919.340	192.676.252.067	36.760.938.734	36.904.268.084	1.750.542.016.872	1.736.418.709.247
Tài sản dài hạn	567.156.971.577	582.309.965.300	1.394.749.112.028	1.014.176.819.355	1.339.076.838	1.736.628.231	1.963.245.160.443	1.598.223.412.886
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	-	-	3.162.440.285	3.175.854.992
	2.110.768.130.375	2.089.148.154.396	1.564.919.031.368	1.206.853.071.422	38.100.015.572	38.640.896.315	3.716.949.617.600	3.337.817.977.125
Nợ phải trả								
Nợ ngắn hạn	1.328.161.408.921	1.328.672.318.245	621.894.825.058	263.671.040.201	1.864.543.735	12.034.955.377	1.951.920.777.714	1.604.378.313.823
Nợ dài hạn	108.443.585.771	93.525.903.675	465.659.879.543	466.203.282.246	947.940.012	1.225.185.042	575.051.405.326	560.954.370.963
	1.436.604.994.692	1.422.198.221.920	1.087.554.704.601	729.874.322.447	2.812.483.747	13.260.140.419	2.526.972.183.040	2.165.332.684.786

Cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày :

	Dịch vụ thương mại		Dịch vụ bất động sản		Dịch vụ tài chính		Tổng cộng	
	30/6/2017 VND	30/6/2016 VND	30/6/2017 VND	30/6/2016 VND	30/6/2017 VND	30/6/2016 VND	30/6/2017 VND	30/6/2016 VND
Khấu hao và phân bổ	25.574.402.654	15.781.945.032	11.551.597.646	11.726.286.587	-	-	37.126.000.300	27.508.231.619
Các khoản dự phòng	(621.400.002)	-	-	(864.379.915)	(836.836.000)	(824.766.319)	(1.458.236.002)	(1.689.146.234)
Chi tiêu vốn	30.880.029.703	18.447.705.768	386.119.122.876	66.591.131.088	-	-	416.999.152.579	85.038.836.856

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014//TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

5. Chuyển nhượng một phần công ty con

Trong kỳ, Tập đoàn đã thanh lý 60% cổ phần của Công ty Cổ phần Đầu tư Savico cho Công ty Cổ phần Đầu tư Nguyễn Nguyễn Group, một bên thứ ba, và không còn nắm giữ quyền kiểm soát đối với khoản đầu tư này, nhưng vẫn có ảnh hưởng đáng kể. Khoản đầu tư đã được phân loại lại sang đầu tư vào công ty liên kết kể từ thời điểm chuyển nhượng.

Việc chuyển nhượng trên có ảnh hưởng như sau đối với bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn tại ngày chuyển nhượng như sau:

	Công ty Cổ phần Đầu tư Savico VND
Tiền	217.686.017
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	30.482.000
Xây dựng cơ bản dở dang (Thuyết minh 14)	119.736.880.000
Lợi ích cổ đông không kiểm soát (Thuyết minh 23)	(599.925.240)
	119.385.122.777
Tổng giá gốc đã chuyển nhượng	119.385.122.777
Lỗ từ chuyển nhượng một phần công ty con (Thuyết minh 31)	(8.385.122.777)
	111.000.000.000
Tổng giá chuyển nhượng	111.000.000.000
Trừ đi: số dư tiền mặt của công ty con được chuyển nhượng	217.686.017
Trừ đi: phần đầu tư còn lại vào công ty liên kết tại thời điểm chuyển nhượng	47.400.000.000
	63.382.313.983

6. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2017 VND	1/1/2017 VND
Tiền mặt	20.567.923.869	15.424.708.233
Tiền gửi ngân hàng	102.817.395.963	138.751.867.022
Các khoản tương đương tiền	44.970.095.000	77.014.864.424
	168.355.414.832	231.191.439.679

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, không có các khoản tương đương tiền được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn (ngày 1 tháng 1 năm 2017: 4.258 triệu VND).

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

7. Các khoản đầu tư tài chính

(a) Chứng khoán kinh doanh

	30/6/2017				1/1/2017			
	Số lượng	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng giảm giá VND	Số lượng	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng giảm giá VND
Đầu tư tài chính ngắn hạn vào:								
Cổ phiếu niêm yết								
• Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Bến Thành	9	162.572	162.572	-	9	162.572	162.572	-
• Công ty Cổ phần Việt Thái	650.760	8.042.676.000	7.028.208.000	(298.632.000)	650.760	8.042.676.000	7.028.208.000	(1.014.468.000)
• Công ty Cổ phần Tập đoàn Thép Tiến Lên	3	22.740	22.740	-	3	22.740	22.740	-
• Công ty Cổ phần TASCO	-	-	-	-	80.000	1.025.000.000	904.000.000	(121.000.000)
Cổ phiếu chưa niêm yết								
• Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Thái Bình Dương	500.000	14.000.000.000	(*)	(9.000.000.000)	500.000	14.000.000.000	(*)	(9.000.000.000)
• Công ty Cổ phần Bến Thành Non Nước	900.000	9.000.000.000	(*)	-	900.000	9.000.000.000	(*)	-
• Công ty Bảo hiểm Toàn Cầu	180.000	6.300.000.000	(*)	(5.040.000.000)	180.000	6.300.000.000	(*)	(5.040.000.000)
• Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh								
• Tổng hợp Điện Lực Thành phố Hồ Chí Minh	1.350.000	13.500.000.000	(*)	-	1.350.000	13.500.000.000	(*)	-
• Công ty Cổ phần Chứng khoán Hải Phòng	812	2.052.543	(*)	-	812	2.052.543	(*)	-
		50.844.913.855		(14.338.632.000)		51.869.913.855		(15.175.468.000)
		50.844.913.855		(14.338.632.000)		51.869.913.855		(15.175.468.000)

(*) Tại ngày báo cáo tài chính, không có thông tin về giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này.

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014//TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Biến động của dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc	
	30/6/2017	30/6/2016
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	15.175.468.000	15.845.846.319
Tăng dự phòng trong kỳ	-	389.480.000
Dự phòng sử dụng trong kỳ	-	(591.600.000)
Hoàn nhập	(836.836.000)	(1.214.246.319)
Số dư cuối kỳ	14.338.632.000	14.429.480.000

(b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	30/6/2017		1/1/2017	
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn				
– ngắn hạn				
▪ tiền gửi có kỳ hạn	12.060.000.000	12.060.000.000	11.750.000.000	11.750.000.000

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Ngày 30 tháng 6 năm 2017	% vốn sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng giảm giá VND
Đầu tư vốn vào:					
Công ty liên kết					
• Công ty Liên doanh ComfortDelgro Savico Taxi	40,03%	40,03%	35.584.911.285	(*)	-
• Công ty Cổ phần Toyota Đông Sài Gòn (TESC) (a)	35,16%	35,16%	72.160.911.671	(*)	-
• Công ty Cổ phần Dịch vụ Ô tô Thành phố Mới Bình Dương	35,41%	35,41%	15.509.939.698	(*)	-
• Công ty Cổ phần Dana (DANA FORD)	28,19%	28,19%	15.673.690.768	(*)	-
• Công ty Cổ phần Ô tô Sao Tây Nam (b)	43,80%	43,80%	20.181.881.502	(*)	-
• Công ty TNHH Toyota Lý Thường Kiệt	51%	51%	31.093.607.720	(*)	-
• Công ty Cổ phần Ô tô Bắc Âu	39,81%	39,81%	27.491.041.131	(*)	-
• Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Dịch vụ Ô tô Nam Sài Gòn	30%	30%	3.794.279.848	(*)	-
• Công ty Cổ phần Đầu tư Savico (c)	39,50%	39,50%	63.100.598.155	(*)	-
• Công ty TNHH Ô tô Bắc Âu Hà Nội (d)	25%	25%	5.000.000.000	(*)	-
			289.590.861.778		-
Các khoản đầu tư khác					
• Các khoản đầu tư dài hạn khác			5.735.264.000	(*)	-
			295.326.125.778		-

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Ngày 1 tháng 1 năm 2017	% vốn sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng giảm giá VND
Đầu tư vốn vào:					
Các công ty liên kết					
• Công ty Liên doanh ComfortDelgro Savico Taxi	40,03%	40,03%	34.766.236.353	(*)	-
• Công ty Cổ phần Toyota Đông Sài Gòn (TESC)	35,16%	35,16%	61.082.122.037	(*)	-
• Công ty Cổ phần Dịch vụ Ô tô Thành phố Mới Bình Dương	35,41%	35,41%	14.917.853.871	(*)	-
• Công ty Cổ phần Dana (DANA FORD)	28,19%	28,19%	12.741.640.310	(*)	-
• Công ty Cổ phần Ô tô Sao Tây Nam	43,80%	43,80%	13.457.567.475	(*)	-
• Công ty TNHH Toyota Lý Thường Kiệt	51%	51%	33.739.344.765	(*)	-
• Công ty Cổ phần Ô tô Bắc Âu	39,81%	39,81%	17.512.179.606	(*)	-
• Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Dịch vụ Ô tô Nam Sài Gòn	30%	30%	3.627.382.800	(*)	-
			191.844.327.217		-
Các khoản đầu tư khác					
• Các khoản đầu tư dài hạn khác			12.415.264.000	(*)	-
			204.259.591.217		-
			204.259.591.217		-

(*) Tại ngày lập báo cáo tài chính, không có thông tin về giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này.

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

- (a) Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017, Tập đoàn đã mua thêm cổ phần có mệnh giá 12.307 triệu VND của Công ty Cổ phần Toyota Đông Sài Gòn (TESC). Tại ngày lập báo cáo tài chính, Tập đoàn đã thanh toán đủ cho cổ phần đã mua.
- (b) Vào ngày 18 tháng 4 năm 2017, Tập đoàn đã mua thêm cổ phần có mệnh giá 6.570 triệu VND của Công ty Cổ phần Ô tô Sao Tây Nam. Tại ngày lập báo cáo tài chính, Tập đoàn đã thanh toán đủ cho cổ phần đã mua.
- (c) Vào ngày 1 tháng 3 năm 2017, Tập đoàn đã chuyển nhượng 60% cổ phần của Công ty Cổ phần Đầu tư Savico, cho Công ty Cổ phần Đầu tư Nguyễn Nguyễn Group, một bên thứ ba và không còn nắm giữ quyền kiểm soát đối với khoản đầu tư này. Vào ngày 31 tháng 3 năm 2017, Tập đoàn đã mua thêm cổ phần có mệnh giá 15.800 triệu VND của Công ty Cổ phần Đầu tư Savico. Tại ngày lập báo cáo tài chính, Tập đoàn đã thanh toán đủ cho cổ phần đã mua.
- (d) Vào ngày 5 tháng 6 năm 2017, Tập đoàn đã mua thêm 25% cổ phần của Công ty TNHH Ô tô Bắc Âu Hà Nội. Tại ngày lập báo cáo tài chính, Tập đoàn đã thanh toán đủ cho cổ phần đã mua.

Biến động đầu tư vào các công ty liên kết như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc	
	30/6/2017	30/6/2016
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	191.844.327.217	152.825.091.873
Đầu tư mới	39.677.350.000	19.200.000.000
Chuyển từ đầu tư vào công ty con và đầu tư dài hạn khác	56.400.000.000	-
Phần lãi thuần trong các công ty liên kết (sau thuế thu nhập doanh nghiệp)	9.875.499.708	4.418.948.169
Cổ tức từ các công ty liên kết	(8.206.315.147)	(2.419.515.000)
Giải thể các công ty liên kết	-	(70.072.710)
	289.590.861.778	173.954.452.332

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014//TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Thông tin trích lược từ bảng cân đối kế toán và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty liên kết như sau:

	Tổng tài sản tại ngày 30/6/2017 VND	Tổng nợ phải trả tại ngày 30/6/2017 VND	Tổng vốn chủ sở hữu tại ngày 30/6/2017 VND	Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế Kỳ sáu tháng kết thức 30/6/2017 VND
Công ty Liên doanh ComfortDelgro Savico Taxi	95.892.882.865	6.997.276.358	88.895.606.507	2.045.153.466
Công ty Cổ phần Toyota Đông Sài Gòn (TESC)	682.359.078.170	512.907.086.575	169.451.991.595	11.685.333.179
Công ty Cổ phần Dịch vụ Ô tô Thành phố Mới Bình Dương	91.253.064.236	58.252.082.114	33.000.982.122	2.953.504.172
Công ty Cổ phần Dana (DANA FORD)	73.303.422.663	35.258.145.811	38.045.276.852	7.280.979.533
Công ty Cổ phần Ô tô Sao Tây Nam	74.493.800.606	28.017.401.297	46.476.399.309	352.315.129
Công ty TNHH Toyota Lý Thường Kiệt	275.563.000.768	194.022.998.514	81.540.002.254	10.106.003.011
Công ty Cổ phần Ô tô Bắc Âu	143.315.611.423	85.667.130.532	57.648.480.891	3.058.942.264
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Dịch vụ Ô tô Nam Sài Gòn	123.462.376.243	110.814.776.750	12.647.599.493	566.351.181
Công ty Cổ phần Đầu tư Savico	136.756.749.759	1.008.400.000	135.748.349.759	(236.698.258)
Công ty TNHH Ô tô Bắc Âu Hà Nội	34.919.467.263	15.843.223.930	19.076.243.333	(697.211.623)

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014//TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Tổng tài sản tại ngày 1/1/2017 VND	Tổng nợ phải trả tại ngày 1/1/2017 VND	Tổng vốn chủ sở hữu tại ngày 1/1/2017 VND	Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế Kỳ sáu tháng kết thúc 30/6/2016 VND
Công ty Liên doanh ComfortDelgro Savico Taxi	94.307.507.319	7.457.054.278	86.850.453.041	911.753.070
Công ty Cổ phần Toyota Đông Sài Gòn (TESC)	495.864.022.098	322.136.890.305	173.727.131.793	7.799.800.404
Công ty Cổ phần Dịch vụ Ô tô Thành phố Mới Bình Dương	126.733.112.976	95.035.505.081	31.697.607.895	1.823.835.473
Công ty Cổ phần Dana (DANA FORD)	68.694.800.426	37.930.503.107	30.764.297.319	5.437.296.418
Công ty Cổ phần Ô tô Sao Tây Nam	125.727.379.210	94.458.460.525	31.268.918.685	1.781.708.346
Công ty TNHH Toyota Lý Thường Kiệt	229.694.097.170	146.359.406.927	83.334.690.243	(317.533.698)
Công ty Cổ phần Ô tô Bắc Âu	117.491.785.571	62.766.224.301	54.725.561.270	(2.029.573.373)
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Dịch vụ Ô tô Nam Sài Gòn	52.377.631.360	40.302.880.224	12.074.751.136	-

8. Phải thu khách hàng

Phải thu khách hàng chi tiết theo các khách hàng lớn

	30/6/2017 VND	1/1/2017 VND
Các khách hàng liên quan đến doanh thu bán hàng hóa	389.694.012.186	373.126.393.523
Các khách hàng liên quan đến doanh thu cho thuê	3.667.040.358	7.531.096.621
Các khách hàng liên quan đến doanh thu chuyển nhượng bất động sản	11.454.696.882	13.226.866.859
Các khách hàng khác	21.030.607.506	4.879.463.416
	425.846.356.932	398.763.820.419

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014//TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

9. Phải thu khác

(a) Phải thu ngắn hạn khác

	30/6/2017	1/1/2017
	VND	VND
Đặt cọc cho kinh doanh xe ô tô đã qua sử dụng hộ khách hàng	23.222.421.967	24.704.421.967
Tạm ứng cho người lao động	15.329.887.716	19.840.658.502
Đặt cọc ngắn hạn	9.407.276.902	6.394.789.570
Cổ tức phải thu	1.134.000.000	-
Lãi phải thu	-	17.766.653
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	22.290.455.196	20.461.327.439
	<hr/>	<hr/>
	71.384.041.781	71.418.964.131
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

(b) Phải thu dài hạn khác

	30/6/2017	1/1/2017
	VND	VND
Phải thu từ các hợp đồng hợp tác kinh doanh (*)	113.408.861.568	113.406.731.568
Đặt cọc dài hạn	41.477.976.100	15.094.801.021
Các khoản phải thu dài hạn khác	12.918.967.347	13.303.305.631
	<hr/>	<hr/>
	167.805.805.015	141.804.838.220
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

(*) Các khoản phải thu này liên quan đến một thỏa thuận hợp tác kinh doanh về đầu tư bất động sản với các đối tác khác.

Biến động trong kỳ của dự phòng nợ dài hạn khó đòi như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc	
	30/6/2017	30/6/2016
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	4.150.000.000	6.830.507.240
Hoàn nhập	-	(864.379.915)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối kỳ	4.150.000.000	5.966.127.325
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

10. Hàng tồn kho

	30/6/2017		1/1/2017	
	Giá trị ghi sổ VND	Dự phòng giảm giá VND	Giá trị ghi sổ VND	Dự phòng giảm giá VND
Hàng mua đang đi trên đường	41.091.100	-	8.738.144.365	-
Vật liệu và phụ tùng thay thế	7.840.822.836	-	8.358.691.735	(2.420.239.855)
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	101.313.269.600	(21.975.574.661)	98.413.666.982	(21.975.574.661)
Thành phẩm	1.295.226.093	-	766.459.655	-
Hàng hóa (xe ô tô và xe máy)	836.853.172.266	(2.489.432.927)	754.067.412.038	(690.593.074)
Hàng gửi đi bán	477.438.756	-	245.553.688	-
	947.821.020.651	(24.465.007.588)	870.589.928.463	(25.086.407.590)

Biến động trong kỳ của khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc	
	30/6/2017 VND	30/6/2016 VND
Số dư đầu kỳ	25.086.407.590	24.567.431.419
Hoàn nhập	(621.400.002)	-
Số dư cuối kỳ	24.465.007.588	24.567.431.419

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 hàng tồn kho với giá trị ghi sổ là 353.754 triệu VND (ngày 1 tháng 1 năm 2017: 240.794 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn.

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***11. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa VND	Máy móc và thiết bị VND	Thiết bị văn phòng VND	Phương tiện vận chuyển VND	Khác VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá						
Số dư đầu kỳ	212.746.421.844	55.003.983.667	10.930.751.188	62.117.871.782	10.051.283.103	350.850.311.584
Tăng trong kỳ	1.329.419.573	3.351.662.708	2.819.159.374	21.915.396.048	34.160.000	29.449.797.703
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang (Thuyết minh 14)	84.905.838.581	17.187.233.411	-	511.000.000	-	102.604.071.992
Thanh lý	-	(41.000.000)	(1.986.015.418)	(12.436.902.615)	-	(14.463.918.033)
Số dư cuối kỳ	298.981.679.998	75.501.879.786	11.763.895.144	72.107.365.215	10.085.443.103	468.440.263.246
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu kỳ	71.157.061.815	32.392.224.566	6.864.479.425	13.749.760.811	6.075.858.136	130.239.384.753
Khấu hao trong kỳ	12.434.459.547	5.277.219.836	574.092.505	5.487.410.273	500.565.097	24.273.747.258
Thanh lý	-	(1.703.652)	(120.655.284)	(2.418.366.202)	-	(2.540.725.138)
Số dư cuối kỳ	83.591.521.362	37.667.740.750	7.317.916.646	16.818.804.882	6.576.423.233	151.972.406.873
Giá trị còn lại						
Số dư đầu kỳ	141.589.360.029	22.611.759.101	4.066.271.763	48.368.110.971	3.975.424.967	220.610.926.831
Số dư cuối kỳ	215.390.158.636	37.834.139.036	4.445.978.498	55.288.560.333	3.509.019.870	316.467.856.373

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Trong tài sản cố định hữu hình có các tài sản với nguyên giá là 38.859 triệu VND được khấu hao hết đến ngày 30 tháng 6 năm 2017 (ngày 1 tháng 1 năm 2017: 35.849 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 tài sản cố định hữu hình với giá trị ghi sổ là 106.968 triệu VND (ngày 1 tháng 1 năm 2017: 41.434 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn.

12. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất không có thời hạn xác định VND	Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định VND	Phần mềm máy vi tính VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá				
Số dư đầu kỳ	20.697.299.091	10.932.464.000	2.712.679.350	34.342.442.441
Tăng trong kỳ	-	-	1.430.232.000	1.430.232.000
Chuyển sang xây dựng cơ bản dờ dang (Thuyết minh 14)	-	-	345.093.675	345.093.675
Số dư cuối kỳ	20.697.299.091	10.932.464.000	4.488.005.025	36.117.768.116
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu kỳ	-	4.178.190.742	2.311.795.541	6.489.986.283
Khấu hao trong kỳ	-	117.696.420	1.182.958.976	1.300.655.396
Số dư cuối kỳ	-	4.295.887.162	3.494.754.517	7.790.641.679
Giá trị còn lại				
Số dư đầu kỳ	20.697.299.091	6.754.273.258	400.883.809	27.852.456.158
Số dư cuối kỳ	20.697.299.091	6.636.576.838	993.250.508	28.327.126.437

Trong tài sản cố định vô hình có các tài sản với nguyên giá là 1.905 triệu VND đã được khấu hao hết đến ngày 30 tháng 6 năm 2017 (ngày 1 tháng 1 năm 2017: 1.815 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 tài sản cố định vô hình với giá trị ghi sổ là 20.697 triệu VND (ngày 1 tháng 1 năm 2017: 20.697 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn.

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

13. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư cho thuê

	Quyền sử dụng đất VND	Nhà cửa VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ	68.707.047.550	736.899.537.661	805.606.585.211
Tăng trong kỳ	-	73.755.483.552	73.755.483.552
Số dư cuối kỳ	68.707.047.550	810.655.021.213	879.362.068.763
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	10.570.473.702	138.075.212.185	148.645.685.887
Khấu hao trong kỳ	-	11.551.597.646	11.551.597.646
Số dư cuối kỳ	10.570.473.702	149.626.809.831	160.197.283.533
Giá trị còn lại			
Số dư đầu kỳ	58.136.573.848	598.824.325.476	656.960.899.324
Số dư cuối kỳ	58.136.573.848	661.028.211.382	719.164.785.230

Trong bất động sản đầu tư cho thuê có các tài sản với nguyên giá 8.748 triệu VND được khấu hao hết đến ngày 30 tháng 6 năm 2017 (ngày 1 tháng 1 năm 2017: 8.748 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 bất động sản đầu tư cho thuê với giá trị ghi sổ là 531.229 triệu VND (ngày 1 tháng 1 năm 2017: 539.959 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn.

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư không được xác định để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bởi vì các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho báo cáo tài chính giữa niên độ hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư sử dụng các kỹ thuật định giá.

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

14. Xây dựng cơ bản dở dang

	Kỳ sáu tháng kết thúc	
	30/6/2017	30/6/2016
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	334.830.529.720	171.438.939.997
Tăng trong kỳ	312.363.639.324	66.591.131.088
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình (Thuyết minh 11)	(102.604.071.992)	(10.324.566.340)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình (Thuyết minh 12)	(345.093.675)	-
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(3.229.562.311)	-
Xóa sổ	-	(813.904.721)
Giảm do chuyển nhượng một phần công ty con (Thuyết minh 5)	(119.736.880.000)	-
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối kỳ	421.278.561.066	226.891.600.024
	<hr/>	<hr/>

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	30/6/2017	1/1/2017
	VND	VND
Dự án 104 Phố Quang	320.501.161.369	37.264.371.710
Dự án Mecure Sơn Trà, Đà Nẵng	84.351.999.406	84.351.999.406
Xây dựng cửa hàng trưng bày của Chi nhánh Toyota Nam Định thuộc Công ty Liên doanh Toyota Giải phóng, một công ty con	11.852.800.000	-
Xây dựng cửa hàng trưng bày Volvo Hà Nội	3.951.234.895	1.739.843.000
Dự án Hồ Tràm, Xuyên Mộc	243.853.083	243.853.083
Xây dựng xưởng của Công ty Cổ phần Ô Tô Vĩnh Thịnh, một công ty con	130.986.340	-
Nâng cấp cửa hàng trưng bày của Công ty TNHH Toyota Cần Thơ, một công ty con	62.727.273	16.835.211.045
Dự án 66 – 68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa	-	119.404.383.323
Xây dựng cửa hàng trưng bày của Công ty Cổ phần Ô tô Nam Sông Hậu, một công ty con	-	45.690.790.037
Dự án Auto Mall	-	16.156.292.671
Xây dựng cửa hàng trưng bày của Công ty Cổ phần Ô tô Tây Bắc Sài Gòn, một công ty con	-	9.671.858.522
Xây dựng cửa hàng trưng bày của Công ty Cổ phần Ô Tô Bình Định, một công ty con	-	3.422.326.923
Các công trình khác	183.798.700	49.600.000
	<hr/>	<hr/>
	421.278.561.066	334.830.529.720
	<hr/>	<hr/>

Trong kỳ, chi phí vay được vốn hóa vào xây dựng cơ bản dở dang là 333 triệu VND (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2016: Không).

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

15. Chi phí trả trước

(a) Chi phí trả trước ngắn hạn

	30/6/2017	1/1/2017
	VND	VND
Chi phí thuê văn phòng và thuê nhà	3.476.087.254	6.684.832.123
Công cụ và dụng cụ	3.597.930.231	3.604.902.340
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	9.956.003.240	8.180.920.886
	17.030.020.725	18.470.655.349
	17.030.020.725	18.470.655.349

(b) Chi phí trả trước dài hạn

	30/6/2017	1/1/2017
	VND	VND
Công cụ và dụng cụ	7.789.136.246	4.985.807.415
Chi phí đất trả trước	2.710.212.401	3.311.434.317
Chi phí nâng cấp	1.684.761.153	1.734.948.016
Các chi phí trả trước dài hạn khác	6.840.790.744	6.021.981.668
	19.024.900.544	16.054.171.416
	19.024.900.544	16.054.171.416

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

16. Phải trả người bán

Phải trả người bán chi tiết theo các nhà cung cấp lớn

	30/6/2017		1/1/2017	
	Giá gốc VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá gốc VND	Số có khả năng trả nợ VND
Công ty Cổ phần Ô tô Hyundai Thành Công Việt Nam	16.509.071.621	16.509.071.621	71.055.270.000	71.055.270.000
Các nhà cung cấp có liên quan đến nhãn hiệu Ford	11.521.080.091	11.521.080.091	16.083.917.377	16.083.917.377
Các nhà cung cấp có liên quan đến nhãn hiệu Toyota	6.040.244.945	6.040.244.945	7.301.678.645	7.301.678.645
Công ty Liên doanh TNHH Hino Motors Việt Nam	33.337.907.404	33.337.907.404	23.375.799.766	23.375.799.766
Các nhà cung cấp khác	50.193.117.488	50.193.117.488	65.389.481.109	65.389.481.109
	117.601.421.549	117.601.421.549	183.206.146.897	183.206.146.897

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

(a) Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	1/1/2017 VND	Số phải nộp trong kỳ VND	Cán trừ/ Phân loại lại VND	Số đã nộp trong kỳ VND	30/6/2017 VND
Thuế					
Thuế giá trị gia tăng	18.010.207.655	712.781.485.010	(691.986.999.523)	(35.388.090.580)	3.416.602.562
Thuế thu nhập doanh nghiệp	17.438.002.792	15.570.467.180	15.088.263	(24.405.324.186)	8.618.234.049
Thuế thu nhập cá nhân	3.768.337.781	9.002.485.335	288.439.615	(10.809.644.511)	2.249.618.220
Các khoản phải nộp khác					
Thuê đất	54.948.413	290.557.482.552	-	(290.394.722.504)	217.708.461
Các khoản phải nộp khác	1.659.110.996	547.988.720	-	(1.897.467.585)	309.632.131
	40.930.607.637	1.028.459.908.797	(691.683.471.645)	(362.895.249.366)	14.811.795.423

(b) Thuế phải thu Nhà nước

	1/1/2017 VND	Cán trừ/ Phân loại lại VND	30/6/2017 VND
Thuế			
Thuế thu nhập doanh nghiệp	911.104.505	15.088.263	926.192.768
Thuế thu nhập cá nhân	2.788.754	288.439.615	291.228.369
	913.893.259	303.527.878	1.217.421.137

18. Chi phí phải trả

	30/6/2017 VND	1/1/2017 VND
Lãi vay	958.812.922	847.851.670
Lương và các chi phí có liên quan	9.543.958.884	5.520.419.349
Phí dịch vụ chuyên nghiệp	8.956.709.998	9.831.409.581
Chi phí hoạt động phải trả	7.138.835.429	6.934.482.850
Phí thuê	895.515.148	768.000.000
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	18.580.378.005	20.124.537.821
	46.074.210.386	44.026.701.271

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

19. Doanh thu chưa thực hiện

(a) Doanh thu chưa thực hiện – ngắn hạn

	30/6/2017	1/1/2017
	VND	VND
Dịch vụ bảo hành và chăm sóc khách hàng	347.584.000	34.640.000
Doanh thu cho thuê các tòa nhà nhận trước	264.745.412	67.252.462
Phần doanh thu chưa thực hiện dài hạn sẽ được thực hiện trong vòng 12 tháng	3.235.970.155	6.698.834.547
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn khác	-	6.399.242
	<hr/>	<hr/>
	3.848.299.567	6.807.126.251
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

(b) Doanh thu chưa thực hiện – dài hạn

	30/6/2017	1/1/2017
	VND	VND
Doanh thu cho thuê tòa nhà nhận trước	93.964.906.518	97.014.834.547
Phần doanh thu sẽ được thực hiện trong vòng 12 tháng	(3.235.970.155)	(6.698.834.547)
	<hr/>	<hr/>
Phần doanh thu sẽ được thực hiện sau 12 tháng	90.728.936.363	90.316.000.000
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

20. Phải trả khác

(a) Phải trả ngắn hạn khác

	30/6/2017	1/1/2017
	VND	VND
Cổ tức phải trả	43.954.193.417	1.359.883.505
Góp vốn theo tiến độ nhận được từ các khách hàng của Dự án Dân cư Tam Bình	52.236.141.309	48.784.436.509
Phải trả đối tác của một dự án bất động sản (*)	338.565.308.392	86.080.042.873
Phải trả một bên thứ ba liên quan đến tiền thuê đất trả hộ Công ty cho Dự án 91 Pasteur	47.872.251.552	-
Phải trả một bên thứ ba liên quan đến cổ tức thu hộ từ một công ty liên kết	7.322.053.353	4.865.984.384
Phải trả khách hàng	11.618.141.862	3.186.211.761
Phí bảo hiểm thu hộ các đại lý bảo hiểm	3.521.064.831	3.976.194.008
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	8.429.636.314	11.392.173.382
	<hr/>	<hr/>
	513.518.791.030	159.644.926.422
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(*) Khoản này thể hiện phải trả khoản trả trước từ một đối tác theo Thỏa thuận Hợp tác ký ngày 10 tháng 7 năm 2014 cho Dự án 104 Phố Quang.

(b) Phải trả khác – dài hạn

	30/6/2017	1/1/2017
	VND	VND
Nhận đặt cọc dài hạn	64.878.959.384	65.823.106.392
Chia lợi nhuận từ công ty liên kết cho một bên thứ ba	765.891.964	4.865.984.384
Các khoản phải trả dài hạn khác (*)	40.358.097.766	40.331.555.492
	<hr/>	<hr/>
Khoản phải trả sau 12 tháng	106.002.949.114	111.020.646.268
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

(*) Các khoản phải trả dài hạn khác, không chịu lãi, thể hiện số tiền nhận được từ các đối tác của các hợp đồng hợp tác kinh doanh tham gia vào các dự án bất động sản của Tập đoàn như sau:

	30/6/2017	1/1/2017
	VND	VND
Dự án Bình An	24.239.513.834	24.239.513.834
Chi phí thuê đất phải trả cho chủ đất	16.118.583.932	16.092.041.658
	<hr/>	<hr/>
	40.358.097.766	40.331.555.492
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014//TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

21. Vay

(a) Vay ngắn hạn

	1/1/2017		Biến động trong kỳ		30/6/2017	
	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn	932.797.817.691	932.797.817.691	4.357.158.608.437	(4.244.533.760.970)	1.045.422.665.158	1.045.422.665.158
Vay dài hạn đến hạn trả	25.153.217.200	25.153.217.200	20.039.330.400	(19.215.015.000)	25.977.532.600	25.977.532.600
	957.951.034.891	957.951.034.891	4.377.197.938.837	(4.263.748.775.970)	1.071.400.197.758	1.071.400.197.758

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	30/6/2017 VND	1/1/2017 VND
▪ Ngân hàng TNHH ANZ Việt Nam	VND	5,80% - 9%	11.356.127.500	32.165.721.250
▪ Ngân hàng TMCP Quân đội (MB Bank)	VND	5% - 8,50%	39.496.754.620	70.047.963.500
▪ Ngân hàng Mizuho	VND	2,70% - 5,40%	-	15.000.000.000
▪ Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (Sacombank)	VND	8,50%	-	19.264.105.259
▪ Ngân hàng Sumitomo Mitsui Banking Corporation (SMBC)	VND	2,60% - 5,60%	-	48.000.000.000
▪ Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (Techcombank)	VND	7,20%	-	6.207.300.000
▪ Ngân hàng The Bank of Tokyo Mitsubishi UFJ. Ltd.	VND	1,75% - 3,75%	-	89.500.000.000
▪ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank)	VND	5% - 9,80%	272.653.507.488	274.790.590.257
▪ Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín (Vietbank)	VND	5,80% - 6%	234.790.175.000	45.792.690.000
▪ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (Vietinbank)	VND	5% - 6,50%	416.252.808.350	174.970.896.352
▪ Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam (VIB)	VND	5,50% - 6%	-	18.462.432.000
▪ Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (VPBank)	VND	7,20% - 8,50%	2.985.922.500	19.293.089.273
▪ Ngân hàng TNHH HSBC (Việt Nam)	VND	6,50% - 13%	37.199.227.200	89.645.324.800
▪ Vay từ một cá nhân	VND	5,80% - 8,50%	1.650.000.000	1.300.000.000
▪ Ngân hàng TMCP Phương Đông Việt Nam (OCB)	VND	8,50%	-	5.000.000.000
▪ Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển Việt Nam (BIDV)	VND	6,80%	21.671.477.500	2.870.005.000
▪ Ngân Hàng TMCP Tiên Phong	VND	6,80% - 8%	7.366.665.000	20.487.700.000
			1.045.422.665.158	932.797.817.691

Trong vay ngắn hạn có 316.434 triệu VND (ngày 1 tháng 1 năm 2017: 225.454 triệu VND) vay không đảm bảo và 728.989 triệu VND (ngày 1 tháng 1 năm 2017: 707.344 triệu VND) được đảm bảo bằng các tài sản sau:

	30/6/2017 VND	1/1/2017 VND
Các khoản tương đương tiền	-	4.257.690.000
Hàng tồn kho	353.753.529.878	213.229.659.734
Tài sản cố định hữu hình	35.125.297.386	10.157.093.049
	388.878.827.264	227.644.442.783

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Vay dài hạn

	30/6/2017	1/1/2017
	VND	VND
Vay dài hạn	404.297.052.449	384.770.941.895
Hoàn trả trong vòng 12 tháng	(25.977.532.600)	(25.153.217.200)
Hoàn trả sau 12 tháng	378.319.519.849	359.617.724.695

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	30/6/2017 VND	1/1/2017 VND
▪ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank)	VND	10%	2020	286.000.000.000	297.300.000.000
▪ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam (Vietinbank)	VND	8%	2019	40.000.000.000	-
▪ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam (Vietinbank)	VND	9,50%	2022	22.800.000.000	23.642.848.800
▪ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank)	VND	7,1%	2022	16.825.811.468	19.325.811.468
▪ Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (VPBank)	VND	9,5% - 10,5%	2024	12.441.360.993	12.590.635.783
▪ Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam (Eximbank)	VND	10%	2022	10.870.592.022	13.018.791.678
▪ Ngân hàng TMCP Phương Đông Việt Nam (OCB)	VND	10-10,4%	2025	9.500.000.000	10.100.000.000
▪ Ngân hàng TMCP Quân đội (MB)	VND	10%	2018	2.095.994.539	2.971.250.539
▪ Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín (Vietbank)	VND	7,5%-7,9%	2019	1.527.772.093	2.000.576.293
▪ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank)	VND	11%	2019	1.465.000.000	2.500.000.000
▪ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam (Vietinbank)	VND	8,5%-10,5%	2021	770.521.334	871.027.334
▪ Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh (HDbank)	VND	8%	2020	-	450.000.000
				404.297.052.449	384.770.941.895
				404.297.052.449	384.770.941.895

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Trong vay dài hạn có 9.500 triệu VND (ngày 1 tháng 1 năm 2017: 10.550 triệu VND) vay không đảm bảo và 394.797 triệu VND (ngày 1 tháng 1 năm 2017: 374.221 triệu VND) đảm bảo bằng các tài sản sau:

	30/6/2017	1/1/2017
	VND	VND
Hàng tồn kho	-	27.564.760.190
Tài sản cố định hữu hình	71.843.003.466	31.277.368.199
Tài sản cố định vô hình	20.697.299.091	20.697.299.091
Bất động sản đầu tư	531.229.468.603	539.958.957.655
Xây dựng cơ bản dở dang	-	32.991.503.716
	623.769.771.160	652.489.888.851

22. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc	
	30/6/2017	30/6/2016
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	22.168.124.301	15.839.027.240
Trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối trong kỳ (Thuyết minh 23)	2.529.239.306	3.103.723.739
Hoàn nhập vào lợi nhuận chưa phân phối trong kỳ (Thuyết minh 23)	(1.715.753.220)	-
Sử dụng trong kỳ	(6.490.228.365)	(7.345.525.312)
	16.491.382.022	11.597.225.667

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014//TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

23. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư và phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2016	249.955.730.000	317.064.858.303	-	(690.474.358)	43.550.163.077	198.727.250.046	252.525.118.016	1.061.132.645.084
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	42.607.582.409	26.255.596.441	68.863.178.850
Góp vốn từ cổ đông không kiểm soát	-	-	-	-	-	-	6.380.200.000	6.380.200.000
Trích quỹ	-	-	-	-	35.135.814	(35.135.814)	-	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 22)	-	-	-	-	-	(2.797.673.380)	(306.050.359)	(3.103.723.739)
Cổ tức (Thuyết minh 25)	-	-	-	-	-	(34.965.709.800)	(24.074.767.158)	(59.040.476.958)
Trích quỹ hoạt động cho Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	-	-	-	-	-	(785.335.545)	-	(785.335.545)
Các khoản tăng/(giảm) khác	-	-	-	-	-	855.125.088	(162.898.317)	692.226.771
Số dư tại ngày 1 tháng 7 năm 2016	249.955.730.000	317.064.858.303	-	(690.474.358)	43.585.298.891	203.606.103.004	260.617.198.623	1.074.138.714.463
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	80.385.270.065	24.571.353.585	104.956.623.650
Góp vốn từ cổ đông không kiểm soát	-	-	-	-	-	-	16.012.600.000	16.012.600.000
Trích quỹ	-	-	-	-	3.071.740.085	(3.071.740.085)	-	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(13.211.207.510)	306.050.359	(12.905.157.151)
Cổ tức	-	-	-	-	-	-	(6.176.946.493)	(6.176.946.493)
Trích quỹ hoạt động cho Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	-	-	-	-	-	(2.848.315.359)	-	(2.848.315.359)
Các khoản (giảm)/tăng khác	-	-	-	-	-	(855.125.088)	162.898.317	(692.226.771)
Cổ phiếu cổ tức được nhận từ một công ty con	-	-	2.550.000.000	-	-	(2.550.000.000)	-	-
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2017	249.955.730.000	317.064.858.303	2.550.000.000	(690.474.358)	46.657.038.976	261.454.985.027	295.493.154.391	1.172.485.292.339

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014//TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư và phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2017	249.955.730.000	317.064.858.303	2.550.000.000	(690.474.358)	46.657.038.976	261.454.985.027	295.493.154.391	1.172.485.292.339
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	40.141.207.736	33.347.150.410	73.488.358.146
Góp vốn từ cổ đông không kiểm soát	-	-	-	-	-	-	71.540.000	71.540.000
Trích quỹ	-	-	-	-	182.607.216	(182.607.216)	-	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 22)	-	-	-	-	-	(2.004.504.315)	(524.734.991)	(2.529.239.306)
Hoàn nhập vào lợi nhuận chưa phân phối (Thuyết minh 22)	-	-	-	-	-	1.715.753.220	-	1.715.753.220
Cổ tức (Thuyết minh 25)	-	-	-	-	-	(29.970.608.400)	(23.627.352.512)	(53.597.960.912)
Trích quỹ hoạt động cho Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	-	-	-	-	-	(575.345.687)	(481.038.000)	(1.056.383.687)
Cổ phiếu cổ tức được nhận từ một công ty con	-	-	2.100.000.000	-	-	(2.100.000.000)	-	-
Giảm do chuyển nhượng một phần công ty con (Thuyết minh 5)	-	-	-	-	-	-	(599.925.240)	(599.925.240)
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2017	249.955.730.000	317.064.858.303	4.650.000.000	(690.474.358)	46.839.646.192	268.478.880.365	303.678.794.058	1.189.977.434.560

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

24. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	30/6/2017		1/1/2017	
	Số lượng cổ phiếu	VND	Số lượng cổ phiếu	VND
Cổ phiếu phổ thông được phép lưu hành	24.995.573	249.955.730.000	24.995.573	249.955.730.000
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành	24.995.573	249.955.730.000	24.995.573	249.955.730.000
Cổ phiếu quỹ	(20.066)	(690.474.358)	(20.066)	(690.474.358)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	24.975.507	249.265.255.642	24.975.507	249.265.255.642

Tất cả cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu tương đương với một quyền biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức được công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông được xếp ngang hàng khi hưởng phần tài sản thuần còn lại của Công ty. Đối với cổ phiếu mà Công ty mua lại, mọi quyền lợi đều bị treo cho đến khi số cổ phiếu đó được phát hành lại.

Không có biến động vốn cổ phần trong kỳ.

25. Cổ tức

Đại hội Cổ đông thường niên của Công ty vào ngày 31 tháng 3 năm 2017 đã quyết định chia cổ tức của năm 2016 là 29.971 triệu VND (2016: 34.966 triệu VND), bằng 12% mệnh giá của những cổ phiếu đang lưu hành tại thời điểm chia cổ tức.

26. Quỹ đầu tư và phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai. Khi quỹ được sử dụng để phát triển kinh doanh, khoản tiền đã sử dụng được chuyển sang Vốn cổ phần.

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

27. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

(a) Tài sản thuê ngoài

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	30/6/2017	1/1/2017
	VND	VND
Trong vòng một năm	46.059.651.081	55.451.537.221
Từ hai đến năm năm	236.097.315.137	168.454.792.433
Trên năm năm	188.257.288.926	250.098.583.482
	<hr/>	<hr/>
	470.414.255.144	474.004.913.136
	<hr/>	<hr/>

(b) Hàng hóa nhận giữ hộ bên thứ ba

	30/6/2017	1/1/2017
	VND	VND
Hàng hóa nhận giữ hộ bên thứ ba	79.395.000.001	195.199.287.268
	<hr/>	<hr/>

28. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	Kỳ sáu tháng kết thúc	
	30/6/2017	30/6/2016
	VND	VND
Tổng doanh thu		
▪ Chuyên nhượng bất động sản	-	18.422.302.388
▪ Bán hàng hóa	6.385.895.292.070	5.730.323.277.973
▪ Cung cấp dịch vụ	255.312.120.085	207.341.097.233
▪ Cho thuê bất động sản đầu tư	85.074.074.379	83.442.283.524
	<hr/>	<hr/>
	6.726.281.486.534	6.039.528.961.118
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu	(3.924.938.286)	(5.601.214.308)
	<hr/>	<hr/>
Doanh thu thuần	6.722.356.548.248	6.033.927.746.810
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

29. Giá vốn hàng bán

	Kỳ sáu tháng kết thúc	
	30/6/2017 VND	30/6/2016 VND
Giá trị còn lại của bất động sản đã chuyển nhượng	-	10.062.714.957
Hàng hóa đã bán	6.158.834.554.733	5.511.163.628.778
Dịch vụ đã cung cấp	201.179.497.441	191.404.313.292
Chi phí của dịch vụ cho thuê bất động sản đầu tư	18.177.138.392	17.591.837.582
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(621.400.002)	-
	6.377.569.790.564	5.730.222.494.609

30. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc	
	30/6/2017 VND	30/6/2016 VND
Thu nhập lãi tiền gửi	2.094.671.959	1.421.587.742
Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán	35.000.000	1.093.830.946
Cổ tức	3.013.380.000	1.593.435.300
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	65.902	76.157.343
Các doanh thu tài chính khác	4.322.070.068	2.196.816.563
	9.465.187.929	6.381.827.894

31. Chi phí tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc	
	30/6/2017 VND	30/6/2016 VND
Chi phí lãi vay	43.896.601.094	29.353.815.587
Lỗ từ kinh doanh chứng khoán	-	1.454.000.546
Lỗ từ thanh lý một phần khoản đầu tư vào một công ty con	8.385.122.777	-
Lỗ từ xóa sổ khoản đầu tư vào một công ty liên kết	-	70.072.710
Chi phí kinh doanh chứng khoán	2.120.000	30.134.812
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	15.964.137
Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư kinh doanh chứng khoán	(836.836.000)	(824.766.319)
Các chi phí tài chính khác	852.665.005	-
	52.299.672.876	30.099.221.473

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

32. Chi phí bán hàng

	Kỳ sáu tháng kết thúc	
	30/6/2017	30/6/2016
	VND	VND
Chi phí nhân công và nhân viên	92.479.647.827	74.348.961.282
Chi phí dịch vụ mua ngoài	23.228.986.391	22.839.464.361
Hoa hồng và bảo hiểm	27.105.929.273	11.735.327.124
Khấu hao và phân bổ	12.418.865.844	7.318.695.790
Công cụ và dụng cụ	6.322.620.568	9.527.270.834
Các chi phí bán hàng khác	35.201.925.408	11.531.480.038
	<hr/>	<hr/>
	196.757.975.311	137.301.199.429
	<hr/>	<hr/>

33. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ sáu tháng kết thúc	
	30/6/2017	30/6/2016
	VND	VND
Chi phí nhân công và nhân viên	51.326.975.678	39.664.773.349
Chi phí dịch vụ mua ngoài	27.560.345.594	29.071.949.891
Khấu hao và phân bổ	8.914.122.031	6.419.769.594
Các chi phí quản lý doanh nghiệp khác	22.419.346.263	13.898.906.463
	<hr/>	<hr/>
	110.220.789.566	89.055.399.297
	<hr/>	<hr/>

34. Thu nhập khác

	Kỳ sáu tháng kết thúc	
	30/6/2017	30/6/2016
	VND	VND
Thu từ thanh lý tài sản cố định hữu hình	1.046.543.033	-
Ưu đãi từ nhà cung cấp	54.386.047.890	11.669.178.659
Hoa hồng nhận được từ các bên khác	8.598.494.104	9.240.583.530
Thưởng từ nhà cung cấp do đạt doanh số bán hàng	13.152.133.510	-
Các thu nhập khác	9.531.763.167	8.004.637.040
	<hr/>	<hr/>
	86.714.981.704	28.914.399.229
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

35. Chi phí khác

	Kỳ sáu tháng kết thúc	
	30/6/2017	30/6/2016
	VND	VND
Lỗi từ thanh lý tài sản cố định hữu hình	51.292.058	604.105.687
Lỗi từ xóa sổ tài sản cố định hữu hình	-	211.409.602
Lỗi từ xóa sổ xây dựng cơ bản dở dang	-	813.904.721
Phạt thuế do thanh toán trễ	6.072.355	253.964.741
Các chi phí khác	2.434.384.826	64.377.205
	<hr/>	<hr/>
	2.491.749.239	1.947.761.956
	<hr/>	<hr/>

36. Chi phí thương mại và kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ sáu tháng kết thúc	
	30/6/2017	30/6/2016
	VND	VND
Chi phí mua bất động sản để chuyển nhượng	-	10.062.714.957
Chi phí mua hàng hóa để bán lại	6.234.706.318.770	5.570.630.200.751
Chi phí nhân công và nhân viên	192.753.215.054	188.063.046.698
Chi phí khấu hao và phân bổ	37.126.000.300	27.508.231.619
Chi phí dịch vụ mua ngoài	101.848.664.392	91.186.846.061
Các chi phí khác	118.114.356.925	69.943.262.074
	<hr/>	<hr/>

37. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong bảng cân đối kế toán

	30/6/2017	1/1/2017
	VND	VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		
Chi phí phải trả	1.903.989.999	2.227.769.239
Giá trị thuế của các khoản lỗ mang sang	1.258.450.286	948.085.753
	<hr/>	<hr/>
	3.162.440.285	3.175.854.992
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	Kỳ sáu tháng kết thúc	
	30/6/2017 VND	30/6/2016 VND
Chi phí thuế hiện hành		
Kỳ hiện hành	15.669.077.699	16.153.666.488
Dự phòng thừa trong những kỳ trước	(98.610.519)	-
	15.570.467.180	16.153.666.488
(Lợi ích)/chi phí thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh chênh lệch tạm thời	323.779.240	-
Lợi ích lỗ tính thuế được ghi nhận	(310.364.533)	-
	13.414.707	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	15.583.881.887	16.153.666.488

(c) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Kỳ sáu tháng kết thúc	
	30/6/2017 VND	30/6/2016 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	89.072.240.033	85.016.845.338
Thuế theo thuế suất thuế thu nhập áp dụng cho Công ty	17.814.448.007	17.003.369.068
Chi phí không được khấu trừ thuế	101.109.670	103.770.315
Thu nhập không chịu thuế	(806.676.000)	(939.346.292)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận	758.256.310	1.535.458.201
Lỗ tính thuế được sử dụng	(624.862.108)	(141.447.942)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận do loại trừ lợi nhuận từ công ty liên kết và hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con và công ty liên kết	(1.559.783.473)	(1.408.136.862)
Dự phòng thừa trong những kỳ trước	(98.610.519)	-
	15.583.881.887	16.153.666.488

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được một số công ty con ghi nhận trên lỗ tính thuế vì các công ty con này không chắc chắn có thu nhập chịu thuế trong tương lai để sử dụng lợi ích của các khoản lỗ tính thuế này.

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(d) Các thuế suất áp dụng

Theo Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, Công ty và các công ty con có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập theo thuế suất bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế cho năm 2017 (2016: 20%).

38. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông sau khi trừ đi số phần bỏ vào Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ hoạt động của Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát và số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông có số dư như sau:

(i) Lợi nhuận thuần thuộc các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông

	Kỳ sáu tháng kết thúc	
	30/6/2017	30/6/2016
	VND	VND
Lợi nhuận thuần trong kỳ thuộc các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn	40.141.207.736	42.607.582.409
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 22)	(2.004.504.315)	(2.797.673.380)
Hoàn nhập vào lợi nhuận chưa phân phối (Thuyết minh 22)	1.715.753.220	-
Trích quỹ hoạt động của Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	(575.345.687)	(785.335.545)
	39.277.110.954	39.024.573.484

(ii) Số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông

	Kỳ sáu tháng kết thúc	
	30/6/2017	30/6/2016
	Số lượng cổ phiếu	Số lượng cổ phiếu
Số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	24.975.507	24.975.507

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, Tập đoàn không có các cổ phiếu tiềm năng có tác động suy giảm.

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

39. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Xác định các bên liên quan

Tập đoàn kiểm soát các mối quan hệ với các công ty con và có mối quan hệ liên quan với các công ty liên kết và các cán bộ quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các cán bộ quản lý chủ chốt

Tổng số tiền thù lao và trợ cấp kinh doanh cho cán bộ quản lý chủ chốt như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc	
	30/6/2017 VND	30/6/2016 VND
Ban Quản trị	1.319.019.000	1.030.569.000
Ban Giám đốc	271.431.000	395.331.000
Ban Kiểm soát	399.790.000	270.990.000
	1.990.240.000	1.696.890.000

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan khác trong kỳ như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Kỳ sáu tháng kết thúc	
			30/6/2017 VND	30/6/2016 VND
Công ty Cổ phần Toyota Đông Sài Gòn (TESC)	Công ty liên kết	Góp vốn	12.307.350.000	-
		Mua xe ô tô	709.090.909	18.403.636.356
		Mua tài sản cố định	765.400.000	2.130.880.878
		Cổ tức	3.085.627.500	2.057.085.000
Công ty Cổ phần Ô tô Sao Tây Nam	Công ty liên kết	Góp vốn	6.570.000.000	-
		Bán vỏ xe	-	150.454.544
		Cho thuê	-	70.000.000
		Doanh thu hoạt động tài chính khác	40.833.333	-
Công ty TNHH Toyota Lý Thường Kiệt	Công ty liên kết	Bán xe hơi	14.467.209.218	9.162.624.090
		Mua xe ô tô	14.196.872.131	28.238.400.000
		Cổ tức	11.900.691.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Savico	Công ty liên kết	Góp vốn	15.800.000.000	-
		Doanh thu hoạt động tài chính khác	92.083.333	-
Công ty TNHH Ô tô Bắc Âu Hà Nội	Công ty liên kết	Góp vốn	5.000.000.000	-

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014//TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Kỳ sáu tháng kết thúc	
			30/6/2017 VND	30/6/2016 VND
Công ty Cổ phần Dịch vụ Ô tô Thành phố Mới Bình Dương	Công ty liên kết	Cổ tức	783.750.000	-
Công ty Cổ phần Ô tô Bắc Âu	Công ty liên kết	Góp vốn	-	30.200.000.000
Tập đoàn Bến Thành	Cổ đồng	Thanh lý các khoản đầu tư	-	12.000.000.000

40. Giao dịch phi tiền tệ từ hoạt động đầu tư

	Kỳ sáu tháng kết thúc	
	30/6/2017 VND	30/6/2016 VND
Bất động sản đầu tư đã mua nhưng chưa thanh toán	47.872.251.552	-
Cần trừ tiền thu từ thanh lý một phần đầu tư vào công ty con với tạm ứng từ khách hàng	10.000.000.000	-
Đầu tư vào công ty liên kết được mua lại bằng cần trừ các khoản cho vay phải thu ngắn hạn	9.800.000.000	-
Cần trừ phải thu khách hàng và phải thu về cho vay ngắn hạn	200.000.000	-

Ngày 10 tháng 8 năm 2017

Người lập:



Ngô Văn Danh
 Kế toán trưởng

Người duyệt:



Mai Việt Hà
 Tổng Giám đốc